| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 541/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28- 8- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

*1.* Bà Nguyễn Thị Kim Chi

*2.* Ông Dương Văn Luỹ

***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 373/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Huỳnh Minh T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: số A, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: chị Trần Thị Lan N, sinh năm 1993. Nơi cư trú: số A, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

*(Các đương sự có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, biên bản hoà giải ngày 29/7/2024 và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:***

Thông qua mai mối, anh với N được cha mẹ tổ chức lễ cưới vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2020 ngày 04/9/2020). C sống đến tháng 9/2022 thì mâu thuẫn vợ chồng do không hợp nhau về tình cảm và về chuyện tiền bạc, đã ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Do tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Diễm C1, sinh ngày 16/10/2020, từ khi ly thân đến nay do N nuôi dưỡng, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu Toà án giải quyết cho N nuôi con thì đồng ý cấp dưỡng hàng tháng theo quy định. Hiện nay anh làm công nhân trên Bình Dương, thu nhập tự do khoảng 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng (không cung cấp được bảng lương), nếu được quyết định nuôi con thì gửi ba mẹ ở quê nuôi dùm, đợi khi nào con lớn anh mới dẫn theo lên thành phố sống với anh. Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có.

***Theo bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 29/7/2024 và tại phiên toà, bị đơn trình bày:***

Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng không hợp nhau về tình cảm và thời gian ly thân đúng như anh T trình bày, chị đồng ý ly hôn. Về con chung: từ khi ly thân đến nay, con chung tên Huỳnh Ngọc Diễm C1, sinh ngày 16/10/2020 do chị đang nuôi dưỡng. Hiện nay chị đang làm điều dưỡng tại Phòng khám Q tại Quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Thu nhập mỗi tháng 11.300.000 đồng (có bảng lương) và có nhà trên thành phố, đủ điều kiện chăm sóc tốt cho con nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng hàng tháng theo quy định. Điều kiện nuôi con của chị tốt hơn anh T vì anh T thu nhập thấp hơn, công việc không ổn định nên không đồng ý cho anh T nuôi con. Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mối quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị N được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị đều xác định có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, đã ly thân và không còn tình cảm, thống nhất ly hôn do đó công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị N theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc Diễm C1, sinh ngày 16/10/2020 vì sau khi ly thân do chị nuôi dưỡng và chứng minh được có thu nhập mỗi tháng ổn định, có tài sản đảm bảo tốt việc nuôi con. Anh T1 cũng có yêu cầu nuôi con nhưng công việc tự do, thu nhập thấp hơn chị N và nếu được giao nuôi con anh cũng không trực tiếp mà gửi lại cho ba mẹ nuôi dùm. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, đảm bảo thuận lợi trong việc học tập, đảm bảo sự phát triển bình thường và tâm lý, nguyện vọng của trẻ, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao Huỳnh Ngọc Diễm C1 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng một tháng không được thấp hơn một nữa mức lương tối

thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng cư trú theo quy định khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01; căn cứ mục 3 phụ lục kèm theo và Điều 3 Nghị định số: 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 về quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì mức lương tối thiểu vùng tại huyện P nơi anh T1 cư trú là 3.450.000 đồng. Do đó, cần buộc anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu C1 mỗi tháng là 1.750.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo định quy định là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: không có nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Ghi nhận anh T1 chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do các bên thuận tình ly hôn trước khi mở phiên toà nên anh T1, chị N mỗi người phải chịu 25% án phí ly hôn là 75.000 đồng và anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Minh T.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Minh T và chị Trần Thị Lan N.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Diễm C1, sinh ngày 16/10/2020 cho chị Trần Thị Lan N trực tiếp nuôi dạy đến thành niên và tự lập được (hiện nay cháu C1 đang sống cùng chị N).

Buộc anh Huỳnh Minh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Huỳnh Ngọc D Chi mỗi tháng 1.750.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 28/8/2024.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu anh T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T1.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án mà anh T1 chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Ghi nhận anh T1, chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Huỳnh Minh T phải nộp án phí ly hôn 75.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng, tổng cộng 375.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007016 ngày 11/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, còn phải tiếp tục nộp 75.000 đồng. Chị Trần Thị Lan N phải nộp án phí ly hôn 75.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**